

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03-01-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Huệ

2. Ông Trần Hoài Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lộc Hồng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị H, sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lưu Kiều H1, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị H trình bày: Tôi và anh Lưu Kiều H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 30/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Y cũ (nay là xã Y), huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi phát hiện anh H1 sử dụng chất ma túy, tiền làm ra anh H1 sử dụng cá nhân hết, ngoài ra anh H1 còn lấy cả của nhà đi sử dụng cá nhân hết. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Đầu tháng 6/2022 anh H1 đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái (tổ A, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái). Hiện nay anh H1 đã trở về nhà nhưng tôi và anh H1 không chung sống cùng nhau nữa. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh H1.

Về con chung: Có 02 cháu Lưu Cát Tường V S ngày 01/8/2018; Lưu Cát Thảo M sinh ngày 25/10/2019. Khi ly hôn tôi nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Công việc của tôi hiện nay làm công ty thu nhập một tháng 10.000.000 đồng đủ để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H đề nghị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H1 không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay hộ khẩu của anh H1 tại thôn K, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các giấy tờ của Tòa án cho anh H1. Bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ anh H1 đã trực tiếp nhận và thông báo cho anh H1, anh H1 biết việc Tòa án báo gọi đến để giải quyết việc chị Ngô Thị H xin ly hôn anh. Nhưng anh H1 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Ngô Thị H được ly hôn anh Lưu Kiều H1.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Lưu Cát Tường V S ngày 01/8/2018; Lưu Cát Thảo M sinh ngày 25/10/2019 cho chị Ngô Thị H nuôi dưỡng. Anh Lưu Kiều H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H đề nghị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị H và anh Lưu Kiều H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Y cũ (nay là xã Y), huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 30 tháng 11 năm 2018 là hôn nhân hợp pháp. Chị H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị H phát hiện anh H1 sử dụng chất ma túy từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Sau đó anh H1 đi cai nghiện ma túy đến đầu tháng 6/2022 anh H1 đi cai nghiện ma túy trở về nhà nhưng chị H và anh H1 cũng không chung sống cùng nhau và không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn anh H1 là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị H và anh H1 hiện nay đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị H được ly hôn anh H1 là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu Lưu Cát Tường V S ngày 01/8/2018; Lưu Cát Thảo M sinh ngày 25/10/2019. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi hai con và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định, đầy đủ. Do vậy cần giao hai cháu Lưu Cát Tường V và cháu Lưu Cát Thảo M cho chị H nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị H về nuôi con chung không trái với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H đề nghị tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị H được ly hôn anh Lưu Kiều H1.

2. Về con chung: Xử giao cháu Lưu Cát Tường V S ngày 01/8/2018 và cháu Lưu Cát Thảo M sinh ngày 25/10/2019 cho chị Ngô Thị H trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Lưu Kiều H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số: AA/2023/0001112 ngày 15 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị Ngô Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự (2)
- UBND xã Y.
- Lưu HS -TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chu Thị Thoảng